

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 26/2009/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Hàng hải Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải trong phạm vi cả nước.

2. Cục Hàng hải Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm, các chương trình, dự án quốc gia, các đề án phát triển thuộc ngành hàng hải trong phạm vi cả nước.

2. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các dự án luật, pháp lệnh, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về hàng hải.

3. Chủ trì xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hàng hải, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố; tổ chức xây dựng và thẩm định, công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành hàng hải.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hàng hải được cấp có thẩm quyền ban hành,

công bố hoặc phê duyệt; quy định việc áp dụng cụ thể một số tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, nghiệp vụ đối với các tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực hàng hải phù hợp với pháp luật về hàng hải và thẩm quyền quản lý, điều hành của Cục.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về hàng hải.

6. Về quản lý cảng biển, luồng hàng hải, các khu neo đậu tàu biển, quản lý quy hoạch xây dựng cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu thuyền:

a) Tổ chức quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển;

b) Tổ chức giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng cảng biển, luồng hàng hải, các khu neo đậu, sửa chữa và đóng mới tàu thuyền phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và bảo đảm an toàn hàng hải.

c) Thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng cảng biển, luồng hàng hải được giao quản lý; tổ chức đấu thầu cho thuê khai thác bến cảng, cầu cảng được giao quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố đóng, mở cảng biển, công bố vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải;

đ) Quyết định đưa cầu cảng, bến cảng, khu chuyển tải vào sử dụng theo quy định của pháp luật.

7. Về quản lý tàu biển, thuyền viên, hoa tiêu và nguồn nhân lực hàng hải khác:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành hoặc Bộ trưởng trình Chính phủ ban hành quy định về đăng ký, quản lý mua bán tàu biển, chức danh, tiêu chuẩn chức danh thuyền viên và định biên của tàu biển Việt Nam;

b) Tổ chức đăng ký tàu biển, thuyền viên theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện việc cấp, thu hồi chứng chỉ chuyên môn, hộ chiếu thuyền viên, sổ thuyền viên và các giấy tờ khác có liên quan hoạt động hàng hải theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải, sỹ quan an ninh cảng biển và các nguồn nhân lực hàng hải khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

8. Về vận tải biển và dịch vụ hàng hải:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phát triển vận tải biển, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải biển;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về vận tải biển và dịch vụ hàng hải;

c) Tổ chức thực hiện việc thống kê, nghiên cứu, dự báo phát triển hàng hải và đánh giá chất lượng dịch vụ hàng hải.

9. Về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải; tham gia xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực hàng hải;

b) Tổ chức thực hiện bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động tại cảng biển, luồng hàng hải và các vùng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật;